

Tôi đã mắc một món nợ đời
Tôi sẽ kể bạn nghe những gì
tôi phải trả
Chính là sự hiện đang sống -
Giá chợ, họ đã nói vậy.

EMILY DICKINSON

Phạm vi của kinh tế học thật đáng kinh ngạc: từ công việc tẻ nhạt hàng ngày ở chợ và ở xưởng, cho đến những vấn đề to lớn có tính chất triết học của con người như hạnh phúc, tự do, bình đẳng - từ giá dầu cho đến giá cuộc sống, đều là có nó cả.

Lời thơ của Emily Dickinson hiển nhiên muốn nói đến cái trở trêu khi so sánh đánh đồng giữa giá chợ và việc phải trả giá bằng "sự hiện đang sống" cho "món nợ đời". Nhưng cô ta chẳng phải là người đầu tiên phò bày điểm tương ứng giữa công việc thường nhật và những vấn đề rộng lớn của nhân loại.

Thomas Paine, trong tác phẩm Cuộc khủng hoảng của nước Mỹ năm 1776 (The American Crisis of 1776), đã viết: "Hóa công biết cách đặt cho món hàng của ông một cái giá đúng, và sẽ thật là lòng nếu như một công trình thiêng liêng như Tự Do lại không được định giá cao như vậy."

Và lời cầu nguyện Thượng đế quen thuộc nổi tiếng của chúng ta là: "Xin cho chúng con có bánh mì ăn mỗi ngày, và xin hãy tha thứ cho chúng con các nợ nần như chúng con tha thứ cho những kẻ nợ mình."

Không hề có sự gián đoạn trong công việc của con người, dù ở bất kỳ phương diện nào, lớn hay nhỏ. Nếu các nhà kinh tế có thói quen xem những chuyện thường xảy ra của thị trường, ngân hàng, toà án công sở là những đề tài của họ, thì điều này không có nghĩa là kinh tế học chẳng nâng gì đến các hiện tượng lớn của nhân loại. Trái lại là đúng khác. Điều mà Marshall gọi là "nghiên cứu nhân loại trong cuộc sống hàng ngày" đã chứa đựng những ẩn ý sâu xa về tất cả các vấn đề của con người, như khi người ta cố gắng làm việc để tạo ra các giá trị, và tổ chức các hệ thống xã hội. Trong sự lập thành nền tảng cho kinh tế học hiện đại, Adam Smith đã tìm cách

TƯƠNG LAI CỦA KINH TẾ HỌC (1)

HUYỀN VĂN THANH (dịch)



phô bày những quan hệ chồng chéo giữa công việc hàng ngày và hệ thống chính yếu của nhân loại. Sự lập thức của ông, bắt nguồn từ những niềm tin tôn giáo của thế kỷ XVIII, giờ đây có vẻ như quá giản đơn trước một thế giới ngày càng trở nên hết sức phức tạp.

Vấn đề đặt ra là kinh tế học, với tình trạng kỹ thuật như hiện nay, có khả năng đảm nhiệm nổi một sự thách thức quá lớn lao như việc khám phá ra các hiện tượng cực kỳ quan trọng và sâu xa đang ảnh hưởng đến xã hội loài người hay không. Kinh tế học đã tạo dựng được cả một khối lượng lý thuyết đến phát sợ, được bổ sung bằng thứ toán học có tính chất cường điệu, nhưng rất tiếc lại chỉ có một sự dấn dăng mong manh với các thực tại chính trị, kinh doanh và những cấu trúc phức tạp về xung đột và hợp tác giữa các cá nhân cũng như giữa các quốc gia với nhau.

Nhà kinh tế học Kenneth Boulding, một con người hòa nhã nhưng cương quyết chống lại giáo điều, đã phát biểu:

"Tôi dần dần cảm thấy mình tin chắc rằng, điều quả đáng ngại đối với một lý thuyết gia chuyên nghiệp, chẳng có cái gì là kinh tế học cả - mà chỉ có khoa học xã hội được vận dụng cho các vấn đề về kinh tế. Thật vậy, thậm chí có thể cũng chẳng hề có một cái gì là khoa học xã hội cả - đó chỉ là một khoa học phổ quát được vận dụng cho các vấn đề của xã hội".

Thế nhưng những vấn đề có tính chất xã hội này mà theo lẽ thường đã được gọi là kinh tế, thuộc về số những vấn đề quan trọng nhất của nhân loại, và nếu như không được giải quyết thì chúng có thể đưa đến các vấn đề thậm chí còn tệ hại hơn thế nữa - gây đổ vỡ cho xã hội và chiến tranh. Mọi người - các nhà kinh tế học và tất cả chúng ta - đều phải cố gắng giải quyết những khó khăn phải là này, đồng thời ứng phó với những áp lực có tính chất trái ngược nhau của các lợi ích riêng biệt, những vấn đề thuộc về giá trị có tính chất mờ mờ, những tranh chấp chính trị náo nhiệt, và chuyện tương lai bất bèn,

đang nhận chìm công việc quyết định của kinh tế. Điều không có gì phải ngạc nhiên là, như chúng ta đã thấy, các nhà kinh tế thường chẳng có cùng ý kiến giống như nhau. Sự khác biệt giữa họ với nhau, trong các vấn đề cả về mặt phân tích lẫn đường lối, thường phản ánh tình trạng thiếu vững chắc trong bộ môn của họ, tình trạng nghèo nàn của dữ kiện, sự hạn hẹp trong cách nhìn của họ về cách ứng xử của con người, và những mâu thuẫn trong các điều họ tin là đúng. Và, chúng tôi muốn nhấn mạnh, nhiều sự tranh cãi của họ xuất phát từ các khác biệt về giá trị cũng như, cố ý hay vô tình, các khác biệt về lợi ích của chính trị lẫn kinh tế mà họ thay mặt.

Gunnar Myrdal - người đã đoạt giải Nobel do công trình chứa đựng nhiều vấn đề về chủng tộc cùng nhiều điều khác nữa liên quan đến nước Mỹ và tình trạng nghèo nàn cũng như sự phát triển kinh tế tại Châu Á và Châu Phi - tin chắc rằng "những vấn đề trong các khoa học xã hội - không chỉ các vấn đề thực tiễn về những gì phải làm, mà cả vấn đề có tính chất lý thuyết trong việc tìm hiểu các sự kiện và những mối quan hệ giữa các sự kiện - chẳng thể lập thành định thức một cách hợp lý được, trừ phi chúng thuộc về những tiền đề có giá trị dứt khoát, cụ thể, và rõ ràng". Lại thay, nhà kinh tế học thuộc trường phái tự do, đồng thời là triết gia, Friedrich von Hayek, người cũng nhận giải Nobel với Myrdal, lại xem loại kinh tế học mang tính xã hội của Myrdal như thể "con đường đi đến chế độ nông nô" (the road to serfdom) - nhưng lại đồng ý với Myrdal rằng kinh tế học phải dựa trên nền tảng của những giá trị đạo đức và xã hội - điểm phân biệt gia khác, giữa người này với người khác, hoặc xã hội này với xã hội khác. Hayek nhận thấy không thể trông mong có được một kinh tế học "bất chấp giá trị" (value-free), hoặc một kinh tế học "khoa học" theo kiểu vật lý học hay hóa học; ông phê phán những nhà kinh tế cố rập khuôn bộ môn của mình theo

các khoa học tự nhiên để "có tính khoa học", đó là thứ khoa học giả hiệu.

MỘT KHOA HỌC HAY LÀ NHIỀU?

Xét đến kinh tế học trong hiện trạng hỗn loạn của nó, người ta vẫn có thể hỏi như Thánh Thomas Aquinas đã hỏi về triết học trong tác phẩm *Lược khảo về Thần học* (*Summa Theologica*): "Đây là một hay nhiều khoa học?"

Câu trả lời hẳn sẽ là, dĩ nhiên ở cấp độ đường lối quốc gia và toàn cầu, kinh tế học không chỉ là nhiều khoa học, mà còn là điều gì đó hơn thế nữa - một ngành của thuật trị nước, một ngành của triết lý chính trị, trong đó kỹ thuật và phương pháp phân tích không thể thay cho trực giác và sự phán đoán. Keynes, có lẽ là kinh tế gia lớn nhất của thế kỷ này, đã có lần mô tả về các nỗi khó khăn kỹ thuật của kinh tế học như sau:

Giáo sư Planck, ở Berlin, người lập ra thuyết lượng tử nổi tiếng, có lần đã nói với tôi rằng hồi thiếu thời ông định học kinh tế học, nhưng lại cảm thấy nó khó quá! Giáo sư Planck có thể lĩnh hội dễ dàng tất cả các tập sách về toán kinh tế trong vòng vài ngày. Ông ấy đã không có ý muốn nói thế! Nhưng sự phối hợp giữa lý luận và trực giác, với sự hiểu biết sâu rộng các sự kiện, mà đa số chúng thì lại thiếu chính xác, nên cần phải có sự lý giải mang tính kinh tế trong hình thái cao nhất, quả thật là khó khăn cực kỳ cho những ai có năng khiếu chủ yếu là ở sức tưởng tượng và muốn theo đuổi các ẩn ý xa xôi nhất lẫn tình trạng đầu tiên của những sự kiện tương đối giản đơn được thừa nhận là có tính chính xác cao."(2*)

Nói tóm lại, công việc của nhà kinh tế đòi hỏi đến một thiên tư, và thiên tư là của hiếm hoi trong kinh tế học cũng như - có lẽ còn hiếm hoi hơn - trong âm nhạc, văn chương, khoa học tự nhiên, hay bất kỳ lãnh vực nào khác. Thế nhưng kinh tế học đã có được một số thiên tài, như Smith, Malthus, Marx. Những vấn đề to lớn mà họ đã nêu ra (phát triển

sự thịnh vượng của quốc gia và tự do của con người; sự phát triển dân số, các giới hạn của tài nguyên, và tính dai dẳng của nghèo đói; cấu trúc giai cấp và sức mạnh của tư bản; kỹ thuật mới và sự làm mất tính người của máy móc; sự hợp tình hợp lý và hiệu năng; tiến hóa và cách mạng kinh tế) vẫn còn đó trước mắt chúng ta, chưa giải quyết được

NHỮNG CÂU ĐÓ CHƯA CÓ LỜI GIẢI ĐÁP

Trái từ thế hệ này sang thế hệ khác, thời buổi này sang thời buổi khác, các vấn đề về sự phát triển và những đe dọa đối với sự tồn tại của con người tuy có diện mạo khác nhau, nhưng chúng vẫn luôn là những vấn đề cũ kỹ quen thuộc của con người. Và sự tiếp diễn mãi mãi của những vấn đề cổ hủ ấy làm cho chúng ta phát chán, cũng như phải năng lòng suy nghĩ. Chúng ta thêm nói, như nhân vật Sabina trong vở kịch *Cái Vò của Bộ Răng* chúng ta (*The Skin of Our Teeth*) của Thornton Wilder: "Tôi ghét vở kịch này và cả mọi lời trong đó. Về phần tôi, đại khái, tôi chẳng hiểu một tí lời nào trong đó cả - tất cả đều nói đến những rắc rối mà nhân loại đang vượt qua, đó là

một đề tài dành cho bạn đấy."

Nhiều người đã có phản ứng giống nhau trước *Những Tới hạn đối với Phát triển* (*The Limits to Growth*), bản tường trình của Câu lạc bộ La Mã (*The Club of Rome*) trong Dự án về Hiện trạng Nguy kịch của Nhân loại (*Project on the Predicament of Mankind*), một bản tường trình đã gây nên tranh luận rộng rãi và gay gắt cách đây vài năm. Chúng ta đã đang chấp nhận an phận lời phán quyết của "những tới hạn đối với phát triển", và cái kiểu phản ứng tự bằng lòng ấy, như Thornton Wilder dường như muốn nói qua nhân vật Sabina của ông, có vẻ là một trong những cách thức mà gia đình Antrobus (Toàn nhân loại) dùng để giữ gìn sự lạnh nhạt và tồn tại.

Nhưng đó chẳng phải là phương cách duy nhất. Tính chân thật của George Antrobus trong khi giải quyết các vấn đề, cũng như lòng cương quyết sống thích nghi với bất kỳ cảnh khổ nào, đã giúp ông vượt được thời Băng hà (*Ice age*). Vận may thuận tủy đã cứu ông và gia đình ông lẫn cả gia súc thoát khỏi nạn Đại Hồng Thủy. Ngay cả những hiểm nghèo tệ hại nhất dồn dập đổ xuống đầu ông, do đầu óc phá hoại của người em trai mang lại - từ Cain qua Caligula cho đến

Tojo và Hitler -, cũng đành phải thoái lui trước sự phối hợp thú vị giữa đạo đức, tính thô bạo, và sự khôn ngoan.

Nhưng phải chăng trong đó có một sự thoái lui lớn nhất hiện đang quay trở lại với nhân loại, dưới mọi hình thức hết sức quyền rũ và mang vẻ hiền hòa - lòng khao khát chân thành được giàu sang của nhân loại - và nó đang sai khiến kỹ thuật học để đạt được mục đích này?

Đó chính là luận đề trong bản tường trình của nhóm Câu lạc bộ La Mã. Các tác giả của bản tường trình - Donella Meadows, Dennis Meadows, và nhóm khoa học gia của Viện kỹ thuật học Massachusetts: (the Massachusetts Institute of Technology - MIT) - đã sử dụng một mô thức được xử lý bằng máy vi tính, rút ra từ một mô thức hết sức phức tạp do giáo sư Jay W. Forrester tạo ra, để tiên đoán rằng "nếu các xu hướng phát triển về dân số thế giới, công nghiệp hóa, ô nhiễm, sản xuất lương thực, và sự cạn kiệt tài nguyên vẫn cứ diễn ra không đổi như hiện nay, thì mức tới hạn của phát triển trên hành tinh này sẽ xảy ra vào một thời điểm nào đó trong vòng một trăm năm sắp tới". Kết cuộc để có nhất của điều này, họ dự đoán,



sẽ là "một sự suy sụp khá bất thần và chẳng thể kiểm soát nổi về năng suất dân số lẫn kỹ nghệ."

Bi kịch này, họ đoán chắc, là kết quả của những phản hồi ác tính (the malignant feedbacks), do một hệ thống kỹ nghệ đã được tạo ra nhằm cung cấp cho con người những lợi ích có tính chất mở rộng không ngừng mang lại. Đặc biệt hơn nữa, mô thức còn cho rằng tính tạo ra thêm của đồng vốn (the creation of capital) - loại đồng vốn thực tế dưới hình thức các nhà máy, hầm mỏ, máy phát điện, lò phản ứng hạt nhân, xe tải, xe lửa, máy bay, v.v. - gây nên sự phát triển kinh tế; sự thịnh vượng gia tăng và sức tăng tiến của kỹ thuật học làm cho dân số tiếp tục nhiều thêm lên mãi, khi mà từ suất giảm đi mau hơn sinh suất. Nhưng khi dân số mỗi lúc một đông hơn, hoạt động sản xuất ngày càng làm ô nhiễm trái đất nhiều hơn và làm cạn kiệt tài nguyên của thiên nhiên, khi mà người nghèo cố bắt kịp người giàu và người giàu thì muốn được giàu hơn.

Trong khoảng thời gian hoi xa, mô thức chỉ rõ, hệ thống kinh tế thế giới vẫn có thể tiếp tục tích lũy vốn (tư bản) và con người qua các vùng ven đô, nhưng cuối cùng rồi cũng sẽ đi đến điểm tới hạn. Tại sao? Vì rằng dân số, tư bản, và sự ô nhiễm đều tăng theo tốc độ lũy thừa (chứ không chỉ riêng dân số, như Malthus đã nói), cũng y như đồng tiền cổ lỗi chổng vạy; nhưng trái đất và các tài nguyên của nó thì lại có hạn, nhóm MIT nói, và kỹ thuật học mới cũng không thể làm cho chúng kéo dài ra vô hạn được. Hiện tượng dao động tắt dần (entropy), sự tiêu mòn của các tài nguyên trái đất và năng lượng trải qua tiến trình kỹ nghệ, Giáo sư Nicholas Georgescu - Roegen tiếp lời, chẳng thể chặn đứng được bằng vào một số điều kỳ diệu của kỹ thuật.

Nhưng vào lúc nào thì sự cạn kiệt tài nguyên trái đất sẽ xảy đến? Khi nào thì bi kịch của con người diễn ra?

Chưa thể có được câu trả lời khoa học; phần lớn công việc làm theo kinh nghiệm

thông thường vẫn đang được tiến hành, và có thể chẳng bao giờ được thực hiện. Tính phức tạp của công việc lập mô thức một hệ thống kinh tế - xã hội - vật lý - sinh vật - khoa học - kỹ thuật - công nghiệp - dân số thế giới có tính chất đáng tin cậy cho những mục đích dự đoán lại vượt quá xa những gì mà nhóm MIT đã làm. Hơn thế nữa, tính trung thực của con người có thể cải biến được các hệ thống kinh tế và xã hội, kiểm soát được sự ô nhiễm, khai thác được các nguồn năng lượng mới, làm giảm hoặc đẩy lùi được sự gia tăng dân số, để thoát khỏi những giới hạn của trái đất.

Cũng cần phải đặt nghi vấn về tính tất yếu sẽ xảy ra của tai họa theo như nhóm MIT tiên đoán, và cả về mô thức lẫn dữ kiện thực nghiệm mà họ đã dựa vào đó để đưa ra điều dự đoán.

Việc làm này phải chăng có nghĩa là bản tường trình của nhóm Câu lạc bộ La Mã đều sai lạc cả không? Không nhất thiết. Ngay cả việc đào xới tài nguyên liên tục cũng đủ để gây nên đổ vỡ rồi. Và mặc dù toàn bộ tai họa không ập xuống trong cùng một hang hốc đi nữa, thì cuộc sống trong một hệ thống kỹ nghệ bành trướng liên tục cũng có thể trở nên đông đúc, dơ dáy, tàm thường, và nguy hiểm một cách thảm hại. Và mỗi nguy hiểm tệ hại nhất có lẽ lại chính là vấn đề khả năng tự thích nghi với tất cả mọi tình huống của "Antrobus, như ông ta đã từng có trước đây." "Lỗi lầm đích thực, Kuprin", lời của Dostoevsky, "đó là không có lỗi lầm nào cả".

Sự biện hộ cho việc phát triển kinh tế tiếp thêm nữa trong một thời gian dài là hết sức vững chắc. Hàng trăm triệu người trên cùng khắp thế giới hiện đang sống trong sự nghèo đói tuyệt vọng, và các vấn đề của họ không thể chỉ giải quyết bằng vào việc phân phối lại lợi tức thế giới hiện có. Hơn thế nữa, dân số thế giới chắc chắn vẫn sẽ tiếp tục tăng lên trong nhiều năm sắp tới. Liên Hiệp Quốc dự trù rằng dân số thế giới, ba tỷ vào năm 1960 và hiện giờ đã hơn bốn tỷ, sẽ đạt mức bảy tỷ vào cuối



thế kỷ này. Mặc dù tỷ lệ gia tăng dân số có thể làm chậm lại được, việc phát triển kinh tế vẫn sẽ là cái cốt yếu để ngăn không cho sự cùng khổ, đói kém, hỗn loạn, và chiến tranh thêm tệ hại. Trong một thế giới không có sự phát triển kinh tế, sự tiến bộ của một quốc gia - hay của một người - nhất thiết sẽ có nghĩa là sự suy vong của quốc gia khác hay của người khác, và những xung đột sẽ nảy nở và tăng nhanh. Liệu chúng ta có sẵn sàng tuyên bố rằng mình đã có được "tính lạc quan của Pareto" chưa?

MỘT CUỘC CÁCH MẠNG VỀ TÂM TRÍ

Thế nhưng điều thực tế là xã hội kỹ nghệ của chúng ta đang trở nên đông đúc, phức tạp, và sa đọa một cách nguy hiểm. Chúng ta đang hết sức cần đến một sự thay đổi các giá trị xã hội - một sự chuyển hướng các mục tiêu của chúng ta từ gia tăng số lượng sản xuất sang việc tăng cường chất lượng cuộc sống. Hầu như toàn thể xã hội của chúng ta, cùng với các định chế, công cuộc kinh doanh lẫn cơ cấu chính quyền của nó, đều bị hướng vào phục vụ cho sự phát triển theo đường lối cũ; sự chuyển hướng chỉ có thể xảy ra nếu chúng ta có được điều phải gọi đúng là "một Cuộc cách mạng Copernic của tâm trí" (a Copernican Revolution of the mind). Chúng ta hiếm khi bắt đầu chịu suy nghĩ cho đến cùng những gì sẽ có ý nghĩa liên quan đến chuyện sử dụng tài nguyên, sự bảo tồn, vấn đề nhân dụng, giáo dục, phân phối lợi tức, vấn đề chỗ ở cũng như kích

thước dân số, những khích lệ lẫn bài khích lệ (incentives and disincentives) kinh tế và xã hội, những thay đổi về mặt cấu trúc trong hoạt động kinh tế và kỹ nghệ - nếu như sự thay đổi từ số lượng sang chất lượng đã trở thành mục tiêu hàng đầu của xã hội chúng ta.

Nhiệm vụ, hiển nhiên, là điều vượt quá những giới hạn của kinh tế học hiện tại, như những kinh tế gia nhạy bén nhất nhận thấy. Sau một thời gian dài yên lặng, thậm chí tự mãn trong thiên càn về tình trạng của môn học, các nhà kinh tế đang tự nêu ra cho mình những câu hỏi cơ bản nhất về những gì họ nên làm và làm như thế nào. Những câu trả lời của họ có thể hóa ra lại quan trọng cho việc giải quyết một số vấn đề phức tạp và nan giải đang gây ưu phiền cho nhân loại. Cuối cùng thì họ có thể làm được khá nhiều để giúp sao cho con người và các quốc gia cư xử tử tế và hợp lẽ, ít làm khổ cho nhau hơn.

Đối với một số hiếm hoi hiện tại, kinh tế học - một lãnh vực đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa - sẽ nhanh chóng chìm được chúng vào trong một đại dương của những ngành học có liên quan và những xét đoán có tính chất triết học, trước khi nó giải quyết được thỏa đáng mọi số vấn đề cổ hủ của riêng nó, như chuyện làm thế nào để đạt được ngay sự toàn dụng nhân vật lực (full employment) và ổn định giá cả, và chuyện làm thế nào để kết thành một nền kinh tế thế giới ổn định, thật sự tự do, và phát triển.

Thế nhưng theo tôi nghĩ, việc hiểu biết cần kè nhiều vấn đề nằm ngoài cương giới của kinh tế học thông thường, không thể ngăn trở, mà còn thúc đẩy thêm nữa những nỗ lực giải quyết ngay cả các vấn đề kinh tế cổ hủ ấy.

(1) Trích chương 11 của quyển THƯỜNG THỨC KINH TẾ HỌC (Nguyên tác: Economics in Plain English) của Leonard Silk, trong từ sách KINH THƯƠNG CMIE (Từ Sách hợp tác giữa CMIE GROUP, INC và CESAIS), sắp xuất bản.